

TÌNH HÌNH KINH TẾ XÃ HỘI Tháng 2 và 2 tháng năm 2019

Trong không khí đón mừng năm mới, toàn Đảng, toàn dân và toàn quân ra sức phấn đấu hoàn thành các chỉ tiêu phát triển kinh tế – xã hội, lập thành tích kỷ niệm 50 năm thực hiện di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh (1969-2019), kỷ niệm 89 năm ngày thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam (3/2/1930 – 3/2/2019); tiếp tục thực hiện cuộc vận động “ Học tập và làm theo tư tưởng đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh”, “tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng, ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hoá” trong nội bộ”; vận động các ban ngành, đoàn thể, các doanh nghiệp và các nhà hảo tâm cùng chung sức với chính quyền tổ chức chăm lo đời sống vật chất, tinh thần cho mọi tầng lớp nhân dân đón Tết Nguyên đán Kỷ Hợi theo phương châm “Đoàn kết, vui tươi, phấn khởi, lành mạnh, an toàn và tiết kiệm”, đảm bảo Tết đến với mọi nhà, mọi người.

Ngay từ những ngày làm việc đầu năm, Thành uỷ, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân Thành phố đã chỉ đạo khẩn trương rà soát, bổ sung xây dựng chương trình, kế hoạch cụ thể để thực hiện có hiệu quả Nghị Quyết Đại hội XII của Đảng, Nghị quyết số 01/NQ-CP của Chính phủ, Nghị quyết 54 của Quốc hội và Nghị quyết Đại hội X của Đảng bộ thành phố, qua đó tạo sức lan toả, thống nhất cao trong tư tưởng và quyết tâm cao trong hành động đến các cấp, các ngành.

A. KINH TẾ

I. CÔNG NGHIỆP

Chỉ số sản xuất toàn ngành công nghiệp (IIP) ước tính tháng 2 chỉ bằng 72,59% so với tháng trước. Nguyên nhân chủ yếu do thời gian nghỉ Tết Nguyên đán 2019 tập trung trong tháng 2, tại một số doanh nghiệp công nhân còn nghỉ Tết dài ngày làm cho số ngày hoạt động sản xuất của doanh nghiệp giảm. Chỉ số sản xuất của nhiều ngành công nghiệp đều giảm so với tháng trước.

So với tháng 2/2018, chỉ số sản xuất công nghiệp tăng 6,49%. Tính chung 2 tháng đầu năm, **chỉ số sản xuất toàn ngành công nghiệp ước tính tăng 6,21% so với cùng kỳ năm trước**, cao hơn mức tăng của năm 2018 (mức tăng của năm 2018: +6,11%). Trong đó, ngành khai khoáng tăng 96,95% chủ yếu do hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác tăng mạnh; ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 6,09%; sản xuất và phân phối điện tăng 6,57%; ngành cung cấp nước và xử lý rác thải tăng 3,57%.

Chỉ số sản xuất công nghiệp một số ngành chủ yếu

Đơn vị tính: %

	Tháng 2/2019 so với tháng 1/2019	2 tháng so với cùng kỳ
Tổng số	72,59	106,21
<i>Chia theo ngành cấp 1</i>		
1. Công nghiệp khai khoáng	60,73	196,95
2. Công nghiệp chế biến, chế tạo	72,13	106,09
3. SX và phân phối điện	83,87	106,57
4. SX và phân phối nước, xử lý chất thải	85,03	103,57
<i>Một số ngành chủ yếu</i>		
1. Sản xuất chế biến thực phẩm	72,98	102,44
2. Sản xuất đồ uống	78,42	103,40
3. Sản xuất trang phục	78,07	97,08
4. Sản xuất da và SP liên quan	72,95	106,28
5. SX hóa chất và SP hóa chất	72,77	102,53
6. Sản phẩm từ cao su và plastic	73,70	105,76
7. SP từ khoáng phi kim loại	79,05	91,90
8. Sản xuất SP điện tử	63,86	128,92
9. Sản xuất thiết bị điện	82,62	97,49
10. Sản xuất xe có động cơ	58,85	111,64

Trong các ngành công nghiệp cấp 2, hầu hết các ngành đều có chỉ số sản xuất công nghiệp tăng so với cùng kỳ, cụ thể có 22/30 ngành tăng so với cùng kỳ năm trước. **Một số ngành có chỉ số sản xuất tăng cao** như: sản xuất kim loại (+41,05%); sản xuất sản phẩm điện tử (+28,92%); sản xuất giấy và sản phẩm từ giấy (+36,99%); sản xuất giường, tủ, bàn ghế (+28,45%)... **Một số ngành có mức tăng khá** như: dệt (+7,38%); da (+6,28%); sản xuất xe có động cơ (+11,64%) **Có 8 ngành có chỉ số sản xuất giảm**: sản xuất trang phục (-2,92%); thuốc lá (-5,71%); chế biến gỗ (-7,19%); in ấn (-3,12%); sản xuất than cốc (-2,03%); sản xuất sản phẩm từ khoáng phi kim loại (-8,1%); sản xuất sản phẩm từ kim loại đúc sẵn (-8,71%); sản xuất thiết bị điện (-2,51%).

Nhìn chung, chỉ số sản xuất công nghiệp của Thành phố vẫn duy trì mức độ tăng trưởng ổn định, đặc biệt là chỉ số sản xuất của 4 ngành công nghiệp trọng điểm đã tăng trở lại, cao hơn mức tăng chung của toàn ngành.

Các ngành thuộc 4 ngành công nghiệp trọng điểm tiếp tục tăng trưởng nhờ chủ động mở rộng thị trường, đầu tư đổi mới thiết bị nâng cao chất lượng, năng lực cạnh tranh. Chỉ số sản xuất công nghiệp 4 ngành trọng điểm ước tính tháng 2/2019 giảm 27,82% so với tháng trước, nhưng cộng dồn 2 tháng so với cùng kỳ tăng **6,46%**. Cụ thể như sau:

- Ngành chế biến lương thực thực phẩm, đồ uống tăng 2,79%;
- Ngành hóa dược tăng 3,72%;
- Ngành cơ khí tăng 1,26%;
- Ngành sản xuất hàng điện tử tăng mạnh 28,92%. Nguyên nhân các DN FDI thuộc lĩnh vực này thường xuyên ứng dụng các công nghệ mới, hiện đại; các sản phẩm

thuộc lĩnh vực công nghệ cao (chất bán dẫn, vi mạch, bo mạch điều khiển chiếu sáng đường, khóa xe container...) có thị trường tiêu thụ ổn định.

Chỉ số sản xuất của 4 ngành công nghiệp trọng điểm

	Đơn vị tính: %	
	Tháng 2/2019 so với tháng 1/2019	2 tháng so với cùng kỳ
Tổng số	72,18	106,46
A-Ngành chế biến lương thực, thực phẩm, đồ uống	74,97	102,79
10-Sản xuất chế biến thực phẩm	72,98	102,44
11-Sản xuất đồ uống	78,42	103,40
B-Nhóm Ngành hóa dược	74,02	103,72
20-Sản xuất hoá chất và sản phẩm hoá chất	72,77	102,53
21-Sản xuất thuốc, hoá dược và dược liệu	78,14	100,69
22-Sản xuất sản phẩm từ cao su và plastic	73,70	105,76
C-Ngành Sản xuất hàng điện tử	63,86	128,92
26-Sản xuất SP. điện tử, máy vi tính và SP quang học	63,86	128,92
D-Nhóm ngành cơ khí	71,63	101,26
25-Sản xuất SP từ kim loại đúc sẵn (trừ máy móc, thiết bị)	72,84	91,29
27-Sản xuất thiết bị điện	82,62	97,49
28-Sản xuất máy móc, thiết bị chưa phân vào đâu	59,84	119,88
29-Sản xuất xe có động cơ	58,85	111,64
30-Sản xuất phương tiện vận tải khác	68,12	129,10

Các ngành truyền thống¹: Chỉ số sản xuất cộng dồn 2 tháng tăng 2,17% so cùng kỳ năm trước; trong đó, ngành dệt tăng 7,38%, ngành da giày tăng 6,28%, ngành may trang phục giảm 2,92%.

Về sản phẩm công nghiệp, hầu hết các sản phẩm sản xuất trong tháng 2 đều tăng so với tháng cùng kỳ. Cộng dồn 2 tháng, có một số sản phẩm tăng cao: vải dệt các loại đạt 100,5 triệu m², tăng 28,83% so cùng kỳ; bột giặt và các chất tẩy rửa đạt 100,7 nghìn tấn, tăng 32,06%; bao bì đóng gói bằng plastic đạt 74,6 nghìn tấn, tăng 5,83%; tivi đạt 2.215,4 nghìn cái, tăng 42,42%... Một số sản phẩm có khối lượng sản xuất giảm như: xi măng đạt 1.163,9 nghìn tấn, giảm 3,44%; sắt, thép các loại đạt 1.235,1 nghìn tấn, giảm 3,45%; phân khoáng hoặc phân hoá học đạt 14,8 nghìn tấn, giảm 62,83%.

Chỉ số tiêu thụ của ngành công nghiệp chế biến, chế tạo ước tháng 2/2019 giảm 27,30% so tháng trước và tăng 4,80% so với tháng 2/2018. Tính chung 2 tháng, chỉ số tiêu thụ tăng 3,32% so với cùng kỳ. Những ngành có chỉ số tiêu thụ tăng cao như: sản xuất sản phẩm điện tử (+13,55%); sản xuất phương tiện vận tải (+32,23%); sản xuất sản phẩm từ cao su và plastic (+9,63%) ...

Chỉ số tồn kho của ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tại thời điểm 1/2 tăng 3,49% so với tháng trước và tăng 28,54% so với cùng kỳ. Ngành có chỉ số tồn kho

¹ Gồm: ngành dệt; ngành sản xuất trang phục (ngành may); ngành sản xuất da và sản phẩm liên quan (thuộc da, vali, túi xách, giày dép da)

tăng: sản xuất thực phẩm, đồ uống; dệt; sản xuất da và các sản phẩm liên quan đến da; sản xuất sản phẩm từ kim loại đúc sẵn... Những ngành có chỉ số tồn kho giảm: may trang phục; in ấn; sản xuất thuốc, hoá dược; sản xuất kim loại; công nghiệp chế biến, chế tạo khác.

II. NÔNG, LÂM NGHIỆP VÀ THỦY SẢN

1. Nông nghiệp

1.1. Trồng trọt:

Diện tích gieo trồng lúa vụ đông xuân dự ước đạt 4.680 ha, giảm 2,6% so cùng kỳ năm trước (tương đương 126 ha). Nguyên nhân do nông dân một số huyện chuyển đổi cơ cấu cây trồng từ lúa sang trồng cây ăn trái, hoa kiểng, cây cảnh có hiệu quả cao hơn.

Diện tích gieo trồng các loại cây khác nhìn chung đều tương đương hoặc tăng so với cùng kỳ. Diện tích rau 4.492,7 ha, tăng 2,8%; hoa cây cảnh 290,1 ha tăng 11,4% so cùng kỳ.

Tổng diện tích nhiễm sinh vật hại trên cây lúa Đông Xuân là 975,5 ha, cao hơn so với cùng kỳ năm trước 30% (tương đương 750 ha); rau nhiễm sâu bệnh trong tháng là 910,5 ha, giảm 4,8%. Các sinh vật hại đều có mật số và tỉ lệ bệnh ở mức nhẹ.

1.2. Chăn nuôi:

Thành phố đẩy mạnh công tác phòng chống dịch bệnh trên đàn gia súc, gia cầm, đặc biệt là phòng chống dịch tả lợn Châu Phi. Phối hợp lực lượng các đoàn liên ngành tăng cường kiểm tra tình hình vận chuyển, giết mổ, kinh doanh động vật, sản phẩm động vật trái phép, nhất là việc kiểm tra xử lý các điểm nóng kinh doanh gia cầm nhằm phục vụ Tết nguyên đán. Trong tháng, không xảy ra dịch bệnh trên đàn gia súc và gia cầm.

Tổng đàn gia súc hiện có: Đàn trâu 4.450 con giảm 4,8% so cùng kỳ; đàn bò 131.500 con, tăng 1% (trong đó: bò sữa 81.450 con, giảm 0,2%); đàn lợn 300.400 con, giảm 2,0% so cùng kỳ. Tuy nhiên đàn heo thịt của thành phố có dấu hiệu phục hồi do giá heo thịt trên thị trường tiếp tục tăng.

Tổng đàn gia cầm 480 nghìn con, tăng 7,2% so cùng kỳ, trong đó đàn gà 425 nghìn con, tăng 3,5% so cùng kỳ.

2. Lâm nghiệp

Tiếp tục thực hiện Quyết định số 1442/QĐ-UBND ngày 26 tháng 3 năm 2016 của Ủy ban nhân dân Thành phố về kế hoạch trồng rừng và cây xanh trên địa bàn Thành phố giai đoạn 2016 - 2020.

Tổng diện tích rừng, đất lâm nghiệp trên địa bàn Thành phố hiện nay là 38.864 ha, trong đó diện tích đất có rừng là 35.794 ha. Tỉ lệ che phủ rừng đạt 17,46%, tỷ lệ che phủ rừng và cây xanh là 37,15%.

3 Thủy sản

Tổng sản lượng thủy sản tháng 2 ước đạt 3.930,2 tấn, tăng 2,9% so tháng cùng kỳ năm trước. Trong đó, cá đạt 1.485,2 tấn, tăng 3,1%; sản lượng tôm ước đạt 785

tấn, tăng 1,8%; sản lượng thủy sản khác ước đạt 1.660 tấn, tăng 3,2%. Sản lượng thủy sản khai thác ước đạt 1.290 tấn, tăng 3,3%; sản lượng thủy sản nuôi trồng ước đạt 2.640,2 tấn, tăng 2,7% so tháng cùng kỳ năm trước.

Lũy kế 2 tháng đầu năm, sản lượng thủy sản ước đạt 8.153,2 tấn, giảm 2% so cùng kỳ năm trước. Trong đó, sản lượng cá ước đạt 3.084,2 tấn, giảm 6,8%; sản lượng tôm ước đạt 1.614 tấn, giảm 0,8%; sản lượng thủy sản khác ước đạt 3.455 tấn, tăng 2,2% so cùng kỳ năm trước.

Chia theo hình thức khai thác và nuôi trồng:

- + Sản lượng thủy sản khai thác ước đạt 2.708,0 tấn, giảm 9,5% so cùng kỳ.
- + Sản lượng thủy sản nuôi trồng ước đạt 5.445,2 tấn, tăng 2,2% so cùng kỳ.

Tình hình thả nuôi tôm tại huyện Cần Giờ: tính đến ngày 03/02, tôm sú có 281 lượt hộ thả nuôi với 25,42 triệu con giống trên diện tích 3.240,8 ha. Tôm thẻ chân trắng có 181 lượt hộ thả nuôi với 46,4 triệu con giống trên diện tích 116,51 ha.

Tính từ đầu năm, không xuất hiện bệnh trên tôm nuôi, do người dân thả nuôi ít, chủ động thực hiện các biện pháp phòng bệnh.

III. VỐN ĐẦU TƯ

1. Đầu tư xây dựng

Vốn xây dựng thuộc ngân sách thành phố 02 tháng ước thực hiện 1.000,6 tỷ đồng, bằng 95,1% so với cùng kỳ. Cấp thành phố ước thực hiện 645,9 tỷ đồng, chiếm 64,6%; cấp quận huyện ước thực hiện 354,7 tỷ đồng, chiếm 35,4%.

Vốn đầu tư thực hiện từ ngân sách địa phương

	Thực hiện 02 tháng (tỷ đồng)	So với cùng kỳ 2018 (%)
Tổng vốn đầu tư	1.000,6	95,1
Trong đó: Vốn sửa chữa lớn	86,3	102,4
Cấp thành phố	645,9	102,0
Trong đó: Vốn sửa chữa lớn	86,3	102,4
Cấp quận huyện	354,7	84,6
Trong đó: Vốn sửa chữa lớn	-	-

Tháng 02 năm nay do ảnh hưởng của Tết vào khoảng 12 ngày đầu tháng, nên khối lượng thực hiện thấp, so với tháng trước bằng 96,1%, tập trung chủ yếu là các dự án chuyển tiếp của năm trước chuyển qua như: các dự án cầu đường và hệ thống thoát nước. Ước tính vốn đầu tư thực hiện từ ngân sách địa phương qua 2 tháng đạt **1.000,6 tỷ, giảm 4,9%** so cùng kỳ.

Một số dự án có khối lượng thực hiện cao trong tháng như: Mở rộng đường Nguyễn Bình giai đoạn 2; Nút giao thông ngã tư An Suông; Xây dựng bệnh viện đa khoa Cần Giờ; Xây dựng đường song hành với đường rừng Sác; Dự án Metro Bến Thành - Suối Tiên...

Tình hình thực hiện một số công trình trọng điểm

– Dự án tuyến đường sắt Bến Thành – Suối Tiên: hiện sau Tết tiếp tục thi công đoạn từ cầu Sài Gòn đến cầu Nguyễn Hữu Cảnh, quận Bình Thạnh. Nhưng nhìn

chung toàn tuyến tiến độ có phần chậm lại, khối lượng thực hiện đến nay mới đạt trên 65%; dự tính đến hết năm 2019 đạt trên 80% và cuối năm 2020 đưa vào sử dụng.

– Nút giao thông ngã tư An Sương (giai đoạn 2): Tiếp tục thi công nhánh phía Quận 12, riêng phía huyện Hóc Môn còn vướng giải tỏa.

2. Tình hình cấp phép xây dựng nhà ở hộ dân cư

Tháng 1, toàn thành phố đã cấp 3.735 giấy phép xây dựng và sửa chữa lớn, với diện tích sàn 832,8 ngàn m². Trong đó cấp cho xây dựng mới 3.620 giấy phép, với diện tích 821,0 ngàn m² và 115 giấy phép sửa chữa lớn, với diện tích 11,8 ngàn m².

So với cùng kỳ tăng 4,1% về giấy phép (+148) và tăng 0,1% về diện tích (tương đương tăng 0,5 ngàn m²).

3. Tình hình cấp giấy phép đầu tư nước ngoài

Từ đầu năm đến ngày 20/02/2019, thành phố đã có 165 dự án có vốn nước ngoài được cấp giấy chứng nhận đầu tư trên địa bàn với tổng vốn đăng ký đạt 96,7 triệu USD. Điều chỉnh vốn đầu tư có 31 lượt dự án với số vốn tăng thêm là 31,1 triệu USD. **Tổng vốn đăng ký cấp phép mới và tăng vốn đến ngày 20/02 đạt 127,8 triệu USD**, bằng 62,5% so với cùng kỳ năm trước. Ngoài ra, trên địa bàn còn có 554 trường hợp nhà đầu tư góp vốn, mua cổ phần, tổng vốn đạt 894,1 triệu USD.

Phân loại các dự án được cấp phép mới:

Theo loại hình đầu tư: hình thức 100% vốn nước ngoài có 147 dự án, vốn đầu tư đạt 73,8 triệu USD; liên doanh 18 dự án, vốn đầu tư đạt 22,9 triệu USD.

Theo ngành hoạt động: hoạt động chuyên môn, khoa học công nghệ có 46 dự án, vốn đầu tư 49,3 triệu USD, chiếm tỷ lệ 51% trong tổng vốn cấp phép mới; Bán buôn và bán lẻ; sửa chữa ô tô, mô tô, xe máy 76 dự án, vốn đầu tư 33,5 triệu USD, chiếm 34,6%; công nghiệp chế biến, chế tạo 6 dự án, vốn đầu tư 5,5 triệu USD, chiếm 5,7%; dịch vụ lưu trú và ăn uống 4 dự án, vốn đầu tư 3,3 triệu USD; thông tin và truyền thông 18 dự án, vốn đầu tư 2,1 triệu USD.

Theo đối tác đầu tư: trên địa bàn thành phố đã có 31 quốc gia và vùng lãnh thổ có dự án đầu tư. Trong đó, Hàn Quốc là quốc gia đứng đầu về vốn đăng ký, với 33 dự án và vốn đạt 41,7 triệu USD (chiếm 43,2%). Kế đến là Singapore với 16 dự án, vốn đầu tư 15,3 triệu USD (chiếm 15,9%); Nhật Bản 23 dự án, vốn đầu tư 14,4 triệu USD (chiếm 14,9%); Anh 3 dự án, vốn đầu tư 7 triệu USD (chiếm 7,3%); Hoa Kỳ 11 dự án, vốn đầu tư 4,6 triệu USD (chiếm 4,8%); Malaysia 5 dự án, vốn đầu tư 2,9 triệu USD.

4. Doanh nghiệp thành lập mới

Từ đầu năm đến ngày 15/02/2019, Thành phố đã cấp phép cho 4.091 doanh nghiệp với tổng vốn đăng ký đạt 90.656 tỷ đồng. So với cùng kỳ năm trước, số giấy phép giảm 26,9% và vốn tăng 34,2%. Trong đó, 9 ngành dịch vụ chủ yếu có số lượng giấy phép là 2.905, chiếm 71% trong tổng số, tăng 27,6% so với cùng kỳ; vốn đăng ký 62.651 tỷ đồng, chiếm 69,1%, tăng 16,5%.

Phân theo loại hình: Công ty TNHH 3.569 đơn vị, chiếm 87,2% trong tổng số, giảm 26,2% so với cùng kỳ; tổng vốn đăng ký đạt 57.345 tỷ đồng, tăng gấp đôi cùng kỳ. Công ty cổ phần có 502 đơn vị, giảm 26,2%; vốn đăng ký 33.289 tỷ đồng, giảm 19,2% so với cùng kỳ. Doanh nghiệp tư nhân có 20 đơn vị, vốn đăng ký đạt 22 tỷ đồng; số giấy phép giảm 73,3% và số vốn giảm 47,8%.

Phân theo khu vực:

– **Khu vực nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản:** số lượng doanh nghiệp cấp phép là 15 đơn vị, giảm 37,5%; vốn đăng ký đạt 469 tỷ đồng, giảm 54,1% so với cùng kỳ năm trước.

– **Khu vực công nghiệp, xây dựng:** cấp phép 860 doanh nghiệp, giảm 22,3% so với cùng kỳ; vốn đăng ký đạt 26.670 tỷ đồng, tăng gấp 2,4 lần. Trong đó, ngành xây dựng có 394 doanh nghiệp, vốn đạt 24.138 tỷ đồng, chiếm 90,5%, tăng gấp 3 lần với cùng kỳ năm trước; ngành công nghiệp chế biến, chế tạo có 429 đơn vị, giảm 19,8% và vốn đạt 1.933 tỷ đồng, giảm 29% so với cùng kỳ năm trước.

– **Khu vực thương mại, dịch vụ:** cấp phép 3.216 doanh nghiệp, giảm 27,9% so với cùng kỳ năm trước; vốn đăng ký đạt 63.517 tỷ đồng, tăng 14,7%. Trong đó, **hoạt động kinh doanh bất động sản** 273 đơn vị, giảm 20,6%; vốn đăng ký 23.227 tỷ đồng, chiếm 36,6% tổng vốn khu vực này, giảm 35,9%. **Thương nghiệp** có 1.648 doanh nghiệp, giảm 22,1%; vốn đăng ký đạt 7.613 tỷ đồng, chiếm 12%, giảm 12,4%. **Hoạt động chuyên môn, khoa học công nghệ** 413 doanh nghiệp, vốn đăng ký 27.419 tỷ đồng; so với cùng kỳ năm trước, số giấy phép giảm 28,3%, vốn đăng ký tăng gấp 7 lần.

IV. NỘI THƯƠNG VÀ CHỈ SỐ GIÁ

1. Nội thương

Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng tháng 2 dự ước đạt 93.275 tỷ đồng, giảm 3,4% so với tháng trước và tăng 14,6% so với tháng cùng kỳ năm trước. Trong đó, doanh thu bán lẻ là 61.591 tỷ đồng, giảm 3% so với tháng trước và tăng 15,2% so với tháng cùng kỳ; dịch vụ lưu trú và ăn uống 9.020 tỷ đồng, giảm 5,2% và tăng 20,4%; du lịch, lữ hành 2.542 tỷ đồng, giảm 1,5% và tăng 16,4%; dịch vụ khác ước đạt 20.122 tỷ đồng, giảm 4% và tăng 10,4%.

Lũy kế 2 tháng, tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ ước đạt 189.794 tỷ đồng, tăng 12,2% so với cùng kỳ năm trước.

* **Chia theo thành phần kinh tế:** kinh tế nhà nước ước đạt 12.233 tỷ đồng, tăng 11,5% so với cùng kỳ năm trước; kinh tế ngoài nhà nước đạt 148.883 tỷ đồng, tăng 11,9%; kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài ước đạt 28.678 tỷ đồng, tăng 14,3%.

* **Chia theo ngành kinh tế:**

– **Thương nghiệp:** ước đạt 125.064 tỷ đồng, tăng 13% so với cùng kỳ. Trong đó, nhóm hàng lương thực, thực phẩm ước đạt 20.630 tỷ đồng, tăng 6,3%; nhóm đồ dùng, dụng cụ, trang thiết bị gia đình đạt 22.797 tỷ đồng, tăng 10,2%; xăng dầu các loại đạt 10.616 tỷ đồng, tăng 13,6%; nhóm hàng may mặc đạt 8.005 tỷ đồng, tăng 10,2%.

– **Dịch vụ lưu trú và ăn uống:** ước đạt 18.537 tỷ đồng, tăng 14,8% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, dịch vụ ăn uống 16.247 tỷ đồng, tăng 14,8%; dịch vụ lưu trú 2.290 tỷ đồng, tăng 14,7%.

– **Du lịch, lữ hành:** ước đạt 5.123 tỷ đồng, tăng 10,2% so với cùng kỳ năm trước.

– **Dịch vụ khác:** doanh thu ước đạt 41.071 tỷ đồng, tăng 8,8% so với cùng kỳ. Trong đó, hoạt động kinh doanh bất động sản đạt 23.440 tỷ đồng, tăng 6,8% so với cùng kỳ; hoạt động hành chính và dịch vụ hỗ trợ 7.666 tỷ đồng, tăng 8,1%; nghệ thuật vui chơi và giải trí 3.232 tỷ đồng, tăng 16%; y tế 2.432, tăng 17,4%.

2. Chỉ số giá

Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tháng 02/2019 tăng 0,47% so với tháng trước. Trong đó, **8/11 nhóm hàng hóa và dịch vụ tăng so với tháng trước** gồm nhóm hàng ăn và dịch vụ ăn uống (+1,15%); nhóm may mặc, mũ nón, giày dép (+0,54%); nhóm nhà ở, điện, nước, chất đốt và vật liệu xây dựng (+0,70%); nhóm thiết bị và đồ dùng gia đình (+0,60%); nhóm giao thông (+0,25%); nhóm bưu chính, viễn thông (+0,41%); nhóm văn hóa, giải trí, du lịch (+0,16%); nhóm hàng hóa và dịch vụ khác (+1,32%). Có **1/11 nhóm giảm** là giáo dục (-2,89%). **2/11 nhóm không biến động so với tháng trước** là nhóm đồ uống và thuốc lá; nhóm thuốc và dịch vụ y tế.

Diễn biến giá một số nhóm ngành cụ thể như sau:

– **Nhóm hàng ăn và dịch vụ ăn uống** tăng 1,15% so với tháng trước. Trong đó:

+ **Lương thực** tăng nhẹ 0,32% so với tháng trước, trong đó giá gạo tăng 0,29%; bột mì ngũ cốc tăng 0,80%; lương thực chế biến tăng 0,40%.

+ **Nhóm thực phẩm:** tăng 1,67% so với tháng trước do tháng 2 là tháng Tết, mặt bằng giá của phần lớn các nhóm mặt hàng ở mức cao do nhu cầu tiêu dùng tăng, cụ thể như thịt heo (+3,96%); thịt bò (+1,11%); gia cầm tươi sống (+1,59%); thịt chế biến (+1,71%); trứng các loại (+0,97%); dầu mỡ ăn và chất béo (+0,35%); thủy sản tươi sống (+3,62%); thủy sản chế biến (+5,09%); trái cây các loại (+2,21%); bánh mứt kẹo (+2,49%). Bên cạnh đó, cũng có một số nhóm mặt hàng có giá giảm nhẹ như rau các loại (-0,18%); sữa bơ phô mai (-0,56%); chè, cà phê, cacao (-0,16%). Tốc độ tăng giá của một số nhóm hàng thiết yếu cho tiêu dùng Tết hầu như không biến động nhiều do đơn vị kinh doanh trên địa bàn đã chuẩn bị, dự trữ lượng hàng hoá dồi dào, góp phần ổn định giá cả thị trường.

– **Nhóm đồ uống và thuốc lá:** không biến động so tháng trước, trong đó các nhóm mặt hàng nước khoáng, nước giải khát có ga, rượu, bia tăng nhẹ do nhu cầu tiêu dùng Tết.

– **Nhóm nhà ở, điện nước, chất đốt, VLXD:** tăng 0,70% so tháng trước. Trong đó, giá gas tăng mạnh từ đầu tháng với mức tăng 12.000 đồng/bình 12 kg do giá gas thế giới tăng.

– **Nhóm giao thông:** tăng 0,25% so với tháng trước, chủ yếu do tác động của việc điều chỉnh giá cước tàu hỏa, giá vé ô tô khách với mức tăng lần lượt là 15,83%

và 1,45% so tháng trước; bên cạnh đó, các dịch vụ khác như dịch vụ rửa xe, trông giữ xe cũng tăng giá cao với mức tăng bình quân gần 4% so tháng trước.

– **Nhóm giáo dục:** giảm 2,89% so với tháng trước, chủ yếu do giảm học phí cho học sinh THCS các trường công lập trên địa bàn TP HCM. Theo đó, mức học phí đối với học sinh tại 19 Quận sẽ giảm từ 100.000 đồng/tháng/học sinh xuống còn 60.000 đồng/tháng/học sinh. Đối với học sinh tại 5 huyện ngoại thành, mức giảm từ 85.000 đồng/học sinh/tháng xuống 30.000 đồng/tháng/học sinh. Việc giảm học phí sẽ bắt đầu được thực hiện từ học kỳ 2 năm học 2018-2019. Để thực hiện chính sách giảm học phí này, ngân sách thành phố sẽ bù hơn 150 tỉ đồng mỗi năm học cho tất cả học sinh từ lớp 6 đến lớp 9 ở các trường THCS công lập trên địa bàn.

– **Nhóm văn hóa giải trí du lịch:** tăng 0,16% so tháng trước, chủ yếu do nhu cầu giải trí và du lịch tăng cao như dịch vụ du lịch (+1,62%), khách sạn (+0,43%); giá hoa tươi cây cảnh vật cảnh (+2,06%).

– **Nhóm hàng hóa và dịch vụ khác:** tăng 1,32% so tháng trước, tập trung vào nhóm dịch vụ phục vụ cá nhân như cắt tóc, uốn tóc, gội đầu, sơn sửa móng tay, các dịch vụ hiệu hỉ và một số mặt hàng đồ dùng cá nhân.

CPI tháng 02/2019 tăng 0,4% so với tháng 12/2018 và tăng 3,58% so với cùng tháng năm trước. Chỉ số giá tiêu dùng bình quân 2 tháng năm 2019 tăng 3,52% so với bình quân cùng kỳ năm 2018.

Chỉ số giá vàng tháng 02/2019 tăng 0,71% so với tháng trước; tăng 1,21% so với tháng 12/2018 và giảm 0,1% so với cùng tháng năm trước. Chỉ số giá đô la Mỹ tháng 02/2019 giảm 0,09% so với tháng trước; giảm 0,51% so với tháng 12/2018 và tăng 2,2% so với cùng tháng năm 2018.

V. XUẤT - NHẬP KHẨU

1. Xuất khẩu

Tổng kim ngạch xuất khẩu hàng hoá của các doanh nghiệp Thành phố ước thực hiện tháng 02 năm 2019 đạt 2.677,0 triệu USD, giảm 25,0% so tháng trước. **Ước tính 2 tháng đạt 6.246,4 triệu USD, tăng 16,0% so cùng kỳ.**

Loại trừ dầu thô, trị giá xuất khẩu 2 tháng ước đạt 5.909,3 triệu USD, tăng 18% so cùng kỳ.

Tình hình cụ thể của các doanh nghiệp trên địa bàn Thành phố xuất qua cửa khẩu Thành phố như sau:

Tổng kim ngạch xuất khẩu bao gồm dầu thô ước thực hiện tháng 02 đạt 2.642,1 triệu USD, giảm 19,5% so tháng trước. Ước tính 2 tháng đạt 5.926,3 triệu USD, tăng 21,7% so cùng kỳ. Chia ra:

+ Thành phần kinh tế nhà nước đạt 472,0 triệu USD, chiếm tỷ trọng 8,0%, giảm 15,2%.

+ Thành phần kinh tế ngoài nhà nước đạt 2.095,6 triệu USD, chiếm tỷ trọng 35,4%, tăng 27,9%.

+ Thành phần kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài đạt 3.358,7 triệu USD, chiếm tỷ trọng 56,7%, tăng 25,5%.

Loại trừ dầu thô ước 2 tháng đạt 5.589,2 triệu USD, tăng 26,1% so cùng kỳ.

Thị trường xuất khẩu chủ yếu: đứng đầu là Hoa Kỳ với 1.212,0 triệu USD, chiếm tỷ trọng 20,5%, tăng 45,9% so cùng kỳ; vị trí thứ 2 là Trung Quốc với 807,8 triệu USD, chiếm 13,6%, giảm 15,0%; vị trí thứ 3 là Nhật Bản với 564,2 triệu USD, chiếm 9,5%, tăng 22,0%; thứ 4 là Hàn Quốc với 294,8 triệu USD, chiếm 5,0%, tăng 22,6%; kế tiếp là Hồng Kông với 238,3 triệu USD, chiếm 4,0%, giảm 9,3% so cùng kỳ.

Cơ cấu nhóm hàng xuất khẩu (không kể dầu thô):

– **Nhóm hàng nông lâm thủy hải sản** đạt 844,7 triệu USD, tăng 59,8% so cùng kỳ và chiếm tỷ trọng 15,1%. Trong đó:

+ Gạo đạt 108,5 triệu USD, giảm 7,4%. Lượng gạo xuất khẩu đạt 67,5 ngàn tấn, giảm 30,5%. Thị trường xuất khẩu chủ yếu: Philippines (69,6%), Bờ Biển Ngà (7,0%), Ghana (5,6%), Trung Quốc (3,3%), Malaysia (2,4%).

+ Cà phê đạt 126,5 triệu USD, giảm 14,8% so cùng kỳ. Lượng cà phê xuất khẩu đạt 84,7 nghìn tấn, giảm 2,0%. Thị trường xuất khẩu chủ yếu: Đức (18,2%), Tây Ban Nha (10,8%), Ý (10,4%), Hoa Kỳ (9,2%), Nga (6,5%).

+ Cao su đạt 87,3 triệu USD, tăng 2,0% so cùng kỳ. Lượng cao su xuất khẩu đạt 47,4 nghìn tấn, tăng 16,8%. Thị trường xuất khẩu chủ yếu: Trung Quốc (45,5%), Ấn Độ (18,5%), Thổ Nhĩ Kỳ (4,4%), Đức (4,3%), Lithuania (4,0%).

+ Hàng thủy hải sản đạt 178,3 triệu USD, tăng 48,5%. Thị trường xuất khẩu chủ yếu: Nhật Bản (22,2%), Trung Quốc (14,6%), Hàn Quốc (10,3%), Philippines (7,0%), Thái Lan (5,9%).

+ Hàng lâm sản đạt 112,4 triệu USD, tăng 38,1%. Thị trường xuất khẩu chủ yếu: Hoa Kỳ (43,0%), Hàn Quốc (13,4%), Nhật Bản (8,4%), Anh (6,8%), Úc (3,5%).

– **Nhóm hàng công nghiệp** đạt 4.217,6 triệu USD, tăng 27,4% và chiếm tỷ trọng 75,5%. Trong đó:

+ Máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện đạt 1.509,0 triệu USD, chiếm tỷ trọng 27,0% trong kim ngạch xuất khẩu không kể giá trị dầu thô, tăng 19,4% so cùng kỳ. Thị trường xuất khẩu chủ yếu: Trung Quốc (28,6%), Hồng Kông (12,4%), Đài Loan (9,5%), Hoa Kỳ (7,4%), Slovakia (5,4%).

+ Hàng dệt, may ước đạt 1.178,4 triệu USD, chiếm tỷ trọng 21,1%, tăng 48,6% so cùng kỳ. Thị trường xuất khẩu chủ yếu: Hoa Kỳ (46,9%), Nhật Bản (15,6%), Hàn Quốc (8,2%), Trung Quốc (4,2%), Anh (4,0%).

+ Hàng giày dép ước đạt 469,0 triệu USD, chiếm tỷ trọng 8,4%, tăng 35,5% so cùng kỳ. Thị trường xuất khẩu chủ yếu: Hoa Kỳ (34,0%), Nhật Bản (9,8%), Đức (8,6%), Trung Quốc (7,7%), Anh (3,4%).

+ Máy móc, thiết bị, dụng cụ và phụ tùng ước đạt 336,0 triệu USD, chiếm tỷ trọng 6,0%, tăng 8,2% so cùng kỳ. Thị trường xuất khẩu chủ yếu: Nhật Bản (21,9), Hoa Kỳ (11,7%), Trung Quốc (11,4%), Singapore (6,7%), Thái Lan (5,8%).

– **Nhóm hàng hóa khác** đạt 527,0 triệu USD, tăng 47,7%.

* Riêng dầu thô: ước đạt 835,2 nghìn tấn, tăng 1,3%; về trị giá ước đạt 337,0 triệu USD, giảm 23,1% so cùng kỳ.

2. Nhập khẩu

Tổng kim ngạch nhập khẩu hàng hóa của các doanh nghiệp Thành phố ước thực hiện tháng 02 đạt 2.948,7 triệu USD, giảm 28,0% so tháng trước. **Ước tính 2 tháng đạt 7.044,2 triệu USD, tăng 3,6% so cùng kỳ.**

Tình hình cụ thể của các doanh nghiệp trên địa bàn Thành phố nhập qua cửa khẩu Thành phố như sau:

Tổng kim ngạch nhập khẩu tháng 01 ước đạt 2.442,5 triệu USD, giảm 31,1% so tháng trước. Ước tính 2 tháng đạt 5.987,5 triệu USD, tăng 2,1% so cùng kỳ. Chia ra:

+ Thành phần kinh tế nhà nước đạt 204,2 triệu USD, chiếm tỷ trọng 3,4%, giảm 22,2%.

+ Thành phần kinh tế ngoài nhà nước đạt 3.080,7 triệu USD, chiếm tỷ trọng 51,5%, giảm 3,2%.

+ Thành phần kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài đạt 2.702,6 triệu USD, chiếm tỷ trọng 45,1%, tăng 11,7%.

Thị trường nhập khẩu chủ yếu: đứng đầu là Trung Quốc với 2.259,3 triệu USD, chiếm tỷ trọng 37,7%, tăng 27,8% so cùng kỳ; vị trí thứ 2 là Hàn Quốc với 475,9 triệu USD, chiếm 7,9%, giảm 6,2%; thứ 3 là Singapore với 454,8 triệu USD, chiếm 7,6%, giảm 12,3%; thứ 4 là Hoa Kỳ với 330,6 triệu USD, chiếm 5,5%, giảm 11,4%; kể đến là Đài Loan với 321,8 triệu USD, chiếm 5,4%, tăng 11,1% so cùng kỳ.

Một số mặt hàng nhập khẩu chủ yếu trong 2 tháng năm 2019:

(Chỉ tính kim ngạch của doanh nghiệp Thành phố nhập qua cảng Thành phố)

+ Máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện: nhập 1.458,7 triệu USD, chiếm tỷ trọng 24,4%, tăng 7,3% so cùng kỳ. Thị trường nhập khẩu chủ yếu: Trung Quốc (62,6%), Hoa Kỳ (8,3%), Đài Loan (6,4%), Hàn Quốc (5,9%), Singapore (4,5%).

+ Máy móc, thiết bị, dụng cụ và phụ tùng: nhập 895,9 triệu USD, chiếm tỷ trọng 15,0%, tăng 22,5%. Thị trường nhập khẩu chủ yếu: Trung Quốc (32,2%), Hàn Quốc (12,0%), Singapore (9,7%), Đài Loan (7,4%), Nhật Bản (7,2%).

+ Vải các loại: nhập 332,4 triệu USD, chiếm tỷ trọng 5,6%, tăng 1,2%. Thị trường nhập khẩu chủ yếu: Trung Quốc (49,5%), Hàn Quốc (14,0%), Đài Loan (12,9%), Nhật Bản (7,9%), Hồng Kông (5,1%).

+ Nguyên phụ liệu dệt, may, da giày: nhập 98,2 triệu USD, tăng 6,9%. Thị trường nhập khẩu chủ yếu: Trung Quốc (29,1%), Hồng Kông (16,1%), Đài Loan (11,7%), Nhật Bản (8,2%), Hàn Quốc (6,8%).

+ Chất dẻo nguyên liệu: nhập 296,2 triệu USD, giảm 12,0%. Thị trường nhập khẩu chủ yếu: Thái Lan (14,8%), Singapore (13,8%), Hoa Kỳ (10,9%), Hàn Quốc (10,6%), Đài Loan (10,2%).

+ Điện thoại các loại & linh kiện: nhập 170,1 triệu USD, giảm 24,6%. Thị trường nhập khẩu chủ yếu: Trung Quốc (62,2%), Singapore (19,8%), Hồng Kông (17,7%), Philippines (0,2%), Hungary (0,1%).

+ Dược phẩm: nhập 224,5 triệu USD, tăng 17,3%. Thị trường nhập khẩu chủ yếu: Bỉ (18,8%), Pháp (13,1%), Singapore (10,9%), Đức (7,4%), Ấn Độ (6,5%).

VI. VẬN TẢI

1. Tổng doanh thu vận tải hàng hóa, hành khách, bốc xếp và dịch vụ đại lý vận tải tháng 2 ước đạt 20.322,7 tỷ đồng, giảm 8% so với tháng trước và tăng 16,8% so tháng cùng kỳ. Hai tháng đầu năm ước đạt 42.422,7 tỷ đồng, tăng 14,2% so cùng kỳ. Trong đó vận tải hàng hóa tăng 12,1%, vận tải hành khách tăng 12,4%.

Doanh thu vận chuyển hàng hóa và hành khách 2 tháng đầu năm

	Doanh thu 2 tháng (tỷ đồng)		So sánh với cùng kỳ năm 2018 (%)	
	Hàng hóa	Hành khách	Hàng hóa	Hành khách
Tổng số	10.668,8	4.335,8	112,1	112,4
<i>*Phân theo khu vực kinh tế</i>				
Kinh tế nhà nước	573,6	42,5	114,3	101,2
Kinh tế ngoài nhà nước	10.019,1	2.981,9	111,8	115,5
Kinh tế có vốn nước ngoài	76,1	1.311,4	148,1	106,1
<i>*Phân theo phương tiện vận tải</i>				
Trong đó : Đường bộ	7.438,1	2.973,1	114,1	115,9
Đường sông	458,2	14,5	105,9	112,0
Đường biển	2.742,8	82,0	107,9	88,1
Đường hàng không	29,7	1.266,2	143,4	106,6

* **Vận tải hàng hóa:** Doanh thu 2 tháng đầu năm ước đạt 10.668,8 tỷ đồng, tăng 12,1% so cùng kỳ năm trước. Khu vực kinh tế nhà nước chiếm 5,4%, tăng 14,3% so cùng kỳ; khu vực kinh tế ngoài nhà nước chiếm 93,9%, tăng 11,8%; khu vực đầu tư nước ngoài chiếm 0,7%, tăng 48,1%.

Trong đó: Vận tải đường bộ chiếm 69,7%, tăng 14,1%; vận tải đường biển chiếm 25,7%, tăng 7,9% so cùng kỳ.

* **Vận tải hành khách:** Doanh thu 2 tháng đầu năm ước đạt 4.335,8 tỷ đồng, tăng 12,4% so cùng kỳ. Kinh tế ngoài nhà nước chiếm chủ yếu 68,8%, tăng 15,5% so cùng kỳ; kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài chiếm 30,2%, tăng 6,1% so cùng kỳ.

Vận tải đường bộ chiếm 68,6%, tăng 15,9% so cùng kỳ, đường hàng không chiếm 29,2%, tăng 6,6% so cùng kỳ.

2. Sản lượng vận tải hàng hóa và hành khách:

a. Sản lượng vận tải hàng hóa: tháng 2 ước đạt 19.698 ngàn tấn, so với tháng trước bằng 83,6%. Hai tháng đầu năm ước đạt 43.264 ngàn tấn, so cùng kỳ tăng

9,8%. Khu vực nhà nước chiếm 5,7%, tăng 9,4%; khu vực kinh tế ngoài nhà nước chiếm 93,7%, tăng 9,8% và khu vực đầu tư nước ngoài chiếm 0,6%, tăng 21,4% so cùng kỳ.

Trong đó: Vận tải đường bộ chiếm 61%, tăng 10,8% so cùng kỳ; vận tải đường sông chiếm 15,6%, tăng 6,8% so cùng kỳ; vận tải đường biển chiếm 16,4%, tăng 9%.

b. Sản lượng vận tải hành khách: tháng 2 ước đạt 85.523 ngàn hành khách, so với tháng trước bằng 98,6%. Hai tháng ước đạt 172.236 ngàn hành khách, so với cùng kỳ tăng 17,7%. Khu vực nhà nước chiếm 2,9%, tăng 0,1%; khu vực ngoài nhà nước chiếm 95,7%, tăng 18,4% và khu vực đầu tư nước ngoài chiếm 1,4%, tăng 21,7%.

Trong đó: Vận tải đường bộ chiếm 98,7%, tăng 17,7%; vận tải đường sông chiếm 0,8%, tăng 9,4%.

VII. TÀI CHÍNH

1. Ngân sách

Tổng thu cân đối ngân sách Nhà nước 2 tháng năm 2019 ước thực hiện 66.956 tỷ đồng, đạt 16,8% dự toán, tăng 7,1% so cùng kỳ. Trong đó thu nội địa 47.173 tỷ đồng, đạt 17,3% dự toán, tăng 5,9% so cùng kỳ; thu từ dầu thô 3.553 tỷ đồng, đạt 19,7% dự toán, tăng 6,3% so cùng kỳ; thu từ hoạt động xuất nhập khẩu 16.229 tỷ đồng, đạt 14,9% dự toán, tăng 11,3% so cùng kỳ.

Thu ngân sách trên địa bàn

	Năm 2019 (Tỷ đồng)		% thực hiện 2 tháng so với	
	Dự toán	Ước TH 2 tháng	Dự toán	Cùng kỳ năm 2018
Tổng thu cân đối ngân sách Nhà nước	399.125	66.956	16,8	107,1
I- Thu nội địa	272.325	47.173	17,3	105,9
Trong đó:				
1. Doanh nghiệp nhà nước	29.899	4.372	14,6	98,2
2. Khu vực ngoài nhà nước	69.114	15.008	21,7	119,2
3. Khu vực có vốn đầu tư nước ngoài	76.450	13.154	17,2	115,9
II- Thu hoạt động xuất nhập khẩu	108.800	16.229	14,9	111,3
III- Thu từ dầu thô	18.000	3.553	19,7	106,3

Thu từ doanh nghiệp nhà nước chiếm 9,3% tổng thu nội địa, giảm 1,8% so cùng kỳ. Trong đó: Nhà nước trung ương ước thực hiện 2.787 tỷ đồng, đạt 13,2% dự toán, giảm 10,4% so cùng kỳ; Nhà nước địa phương ước thực hiện 1.585 tỷ đồng, đạt 18,0% dự toán, tăng 17,9% so cùng kỳ. Thu từ khu vực ngoài nhà nước ước thực hiện 15.008 tỷ đồng, đạt 21,7% dự toán, tăng 19,2% so cùng kỳ. Thu từ khu vực có vốn đầu tư nước ngoài 13.154 tỷ đồng, đạt 17,2% dự toán, tăng 15,9% so cùng kỳ.

Thu cân đối ngân sách địa phương 2 tháng năm 2019 ước thực hiện 12.541 tỷ đồng, đạt 16,9% dự toán, giảm 12,6% so cùng kỳ năm 2018.

Tổng chi ngân sách địa phương (trừ tạm ứng) 2 tháng năm 2019 ước thực hiện 12.068 tỷ đồng, đạt 13,6% dự toán, tăng 99,6% so cùng kỳ.

Chi ngân sách địa phương

	Năm 2019 (Tỷ đồng)		% thực hiện 2 tháng so với	
	Dự toán	Ước TH 2 tháng	Dự toán	Cùng kỳ năm 2018
Tổng chi (trừ tạm ứng)	88.870	12.068	13,6	199,6
Trong đó:				
I- Chi đầu tư phát triển	31.617	5.554	17,6	282,8
II- Chi thường xuyên	47.419	5.661	11,9	141,1
Trong đó:				
Sự nghiệp kinh tế	7.029	379	5,4	150,3
Sự nghiệp giáo dục đào tạo	16.632	1.654	9,9	125,4
Sự nghiệp y tế	3.122	138	4,4	108,1
Quản lý hành chính	8.114	1.204	14,8	139,7

Chi đầu tư phát triển 5.554 tỷ đồng, đạt 17,6% dự toán. Chi thường xuyên 5.661 tỷ đồng, đạt 11,9% dự toán, tăng 41,1% so cùng kỳ; trong đó, chi sự nghiệp kinh tế 379 tỷ đồng, đạt 5,4% dự toán, tăng 50,3%; chi sự nghiệp giáo dục đào tạo 1.654 tỷ đồng, đạt 9,9% dự toán, tăng 25,4%; chi sự nghiệp y tế 138 tỷ đồng, đạt 4,4% dự toán, tăng 8,1%; chi quản lý hành chính 1.204 tỷ đồng, đạt 14,8% dự toán, tăng 39,7% so cùng kỳ 2018.

2. Ngân hàng

Tổng vốn huy động đến đầu tháng 2 đạt 2.198,57 ngàn tỷ đồng, giảm 0,12% so với tháng trước (chỉ số này của tháng trước: +1,07%); tăng 7,97% so với tháng cùng kỳ. Vốn huy động của các Ngân hàng Thương mại cổ phần chiếm 52,20% tổng vốn huy động, tăng 11,51% so tháng cùng kỳ. Tiền gửi tiết kiệm chiếm tỷ trọng 47,37% tổng vốn huy động, tăng 4,01% so với tháng cùng kỳ.

Theo loại tiền gửi, vốn huy động bằng ngoại tệ chiếm 11,01%, tăng 0,99% so tháng cùng kỳ. Vốn huy động VNĐ tiếp tục tăng trưởng nhanh và chiếm tỷ trọng chủ yếu trong tổng nguồn vốn, chiếm 88,99%; tăng 8,90% so tháng cùng kỳ.

Tổng dư nợ tín dụng trên địa bàn thành phố đến đầu tháng 2 đạt 2.048,04 ngàn tỷ đồng, tăng 14,94% so với tháng cùng kỳ. Trong đó, dư nợ tín dụng của các Ngân hàng Thương mại cổ phần đạt 1.067,73 ngàn tỷ đồng, chiếm 52,13% tổng dư nợ, tăng 13,68% so tháng cùng kỳ. Dự ước dư nợ tín dụng tiếp tục duy trì tốc độ tăng trưởng so với các năm trước giúp cho doanh nghiệp có cơ hội tiếp cận nguồn vốn vay góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế.

Theo loại tiền, dư nợ bằng ngoại tệ đạt 1584,96 ngàn tỷ đồng, chiếm 7,76% tổng dư nợ, giảm 2,06% so với cùng kỳ. Dư nợ tín dụng bằng VNĐ đạt 1.889,07 ngàn tỷ đồng, chiếm 92,24% tổng dư nợ, tăng 16,65% so với tháng cùng kỳ.

3. Thị trường chứng khoán

Đến cuối tháng 01 năm 2019, tổng số mã chứng khoán được phép giao dịch khớp lệnh là 380 gồm 375 mã cổ phiếu, 3 mã chứng chỉ quỹ và 2 mã quỹ ETF; tăng 2 mã cổ phiếu so với cuối tháng trước (ngày 14/01 mã cổ phiếu POW của Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP giao dịch phiên đầu tiên, ngày 15/01 mã cổ phiếu SZC của Công ty Cổ phần Sonadezi Châu Đức giao dịch phiên đầu tiên; mã trái phiếu mới phát sinh giao dịch trong tháng này: NPM11804 của Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo, KBC11806 của Tổng Công ty Phát triển Đô Thị Kinh Bắc – Công ty Cổ phần).

Giá trị vốn hóa thị trường là 2.979.233 tỷ đồng, tăng 18,11% so với cuối năm 2018. Trong tháng 01/2019 có 22 phiên giao dịch, 13 phiên tăng điểm và 9 phiên giảm điểm. VN-Index có xu hướng tăng dần về cuối tháng. Đến cuối tháng 01/2019, VN-Index đạt 910,65 điểm, tăng 2,03% (tương ứng tăng 18,11 điểm) so với cuối năm 2018.

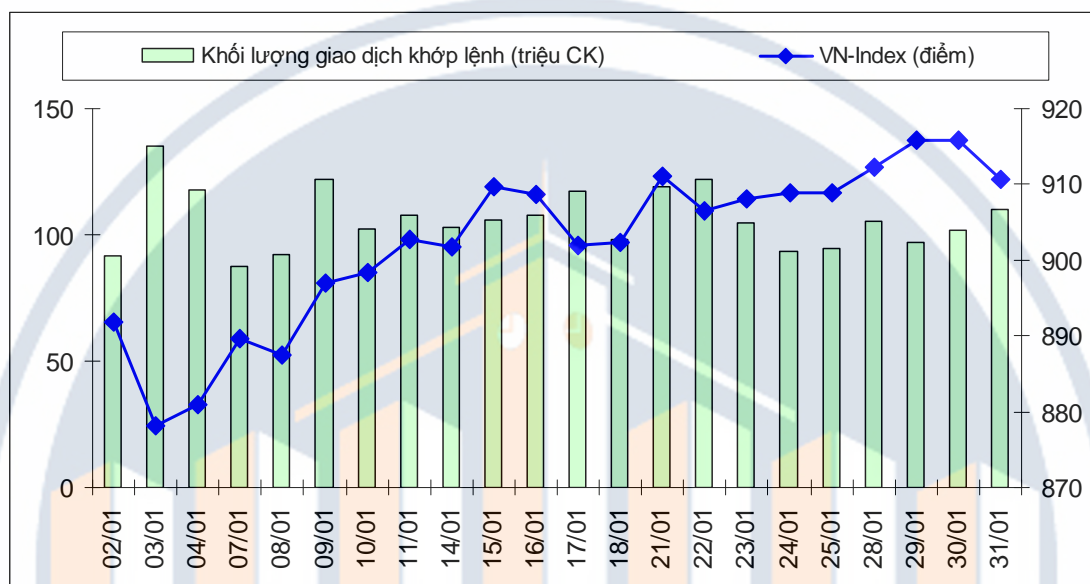
Đến cuối tháng 01/2019, VN-Index đạt giá trị thấp nhất vào ngày 03/01 với 878,22 điểm và đạt giá trị cao nhất vào ngày 29/01 với 915,93 điểm.

Khối lượng giao dịch trong tháng 01/2019 đạt 2.984,54 triệu chứng khoán, giảm 22,42% so với tháng trước. Giá trị giao dịch trong tháng đạt 64.950,42 tỷ đồng, giảm 25,94% so tháng trước. Trung bình mỗi phiên có 135,66 triệu chứng khoán được chuyển nhượng với giá trị 2.952,29 tỷ đồng. Khối lượng giao dịch trung bình mỗi phiên giảm 29,47% và giá trị giao dịch giảm 32,68% so với tháng trước.

Giao dịch chứng khoán trên thị trường niêm yết

	Kết quả giao dịch	% so sánh	
	Tháng 01/2019	Tháng 12/2018	Tháng 01/2018
Tổng khối lượng giao dịch (triệu CK)	2.984,54	77,58	48,03
<i>Chia theo loại chứng khoán:</i>			
Cổ phiếu	2.906,76	77,36	47,98
Trái phiếu	59,49	135,34	305,79
Chứng chỉ quỹ & ETF	18,29	40,05	13,44
<i>Chia theo hình thức giao dịch:</i>			
Giao dịch khớp lệnh	2.336,98	85,32	41,99
Giao dịch thỏa thuận	647,56	58,45	99,94
Tổng giá trị giao dịch (tỷ đồng)	64.950,42	74,06	38,45
<i>Chia theo loại chứng khoán:</i>			
Cổ phiếu	58.512,58	70,93	35,56
Trái phiếu	6.182,45	136,40	306,96
Chứng chỉ quỹ & ETF	255,39	37,26	10,86
<i>Chia theo hình thức giao dịch:</i>			
Giao dịch khớp lệnh	43.982,06	77,11	30,34
Giao dịch thỏa thuận	20.968,36	68,37	87,56

Đồ thị VN-Index tháng 01/2019 trên SGDCK TP.HCM



Cập nhật đến ngày 15/02/2019, tổng số mã chứng khoán được phép giao dịch khớp lệnh là 380. Giá trị vốn hóa thị trường là 3.110.931 tỷ đồng, tăng 8,19% so với cuối năm 2018; VN-Index đạt 950,89 điểm, tăng 58,35 điểm (tương ứng tăng 6,54%) so với cuối năm 2018.

B. HOẠT ĐỘNG VĂN HÓA XÃ HỘI

I. Tình hình văn hóa thông tin

Thành phố đã tổ chức nhiều hoạt động văn hóa nghệ thuật trong dịp Tết Nguyên đán Kỷ Hợi 2019, thu hút đông đảo người dân và du khách. Cụ thể, hội hoa xuân tại công viên Tao Đàn từ ngày 30/1-10/2; chợ hoa tết tại công viên 23/9, công viên Gia Định, công viên Lê Văn Tám và hệ thống chợ hoa tết tại các quận huyện. Ngày hội bán tết tại công viên Lịch sử - văn hóa dân tộc từ ngày 30/1-31/1 và 24 quận, huyện; lễ dâng cúng bánh tết Quốc Tổ Hùng Vương và Đức Lễ Thành hầu Nguyễn Hữu Cảnh tại khu tưởng niệm các Vua Hùng, đền thờ Đức Lễ Thành hầu Nguyễn Hữu Cảnh tại Công viên Lịch sử - Văn hóa Dân tộc vào ngày 1/2; lễ dâng hương, dâng hoa Chủ tịch Hồ Chí Minh và Chủ tịch Tôn Đức Thắng tại Bảo tàng Hồ Chí Minh - chi nhánh TP Hồ Chí Minh, Bảo tàng Tôn Đức Thắng và Công viên Tượng đài Chủ tịch Hồ Chí Minh vào ngày 1/2. Lễ hội Đường Sách tại khu vực đường Mạc Thị Bưởi - Nguyễn Huệ - Ngô Đức Kế, Quận 1; Đường Hoa Nguyễn Huệ trên đường Nguyễn Huệ, Quận 1; đồng thực hiện từ ngày 2/2 đến ngày 8/2.

Bên cạnh đó, nhiều chương trình biểu diễn nghệ thuật được tổ chức như chương trình kỷ niệm 89 năm Ngày thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam tại khu vực trước Nhà hát Thành phố vào ngày 2/2; chương trình “Mừng Xuân Kỷ Hợi - Mừng Đảng quang vinh tại Công viên Gia Định; chương trình sân khấu hóa kỷ niệm 230 năm Chiến thắng Đống Đa lịch sử (1789 - 2019) tại sân khấu công viên Tao Đàn vào

ngày 9/2 và một số chương trình biểu diễn nghệ thuật khác diễn ra tại các huyện Bình Chánh, Hóc Môn, Củ Chi, Nhà Bè, Cần Giờ.

Ngoài ra, trên địa bàn thành phố còn có các hoạt động văn hóa, văn nghệ tại nhà văn hóa thanh niên, các trường đại học, cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp, ký túc xá, các khu công nghiệp và khu chế xuất. Thực hiện trình chiếu ánh sáng 3D lên tòa nhà Ủy ban nhân dân thành phố vào tối 4/2; bắn pháo hoa nghệ thuật vào đêm giao thừa.

II. Trật tự an toàn xã hội (từ ngày 16/12/2018 đến ngày 15/01/2019)

1. Vi phạm kinh tế, môi trường

Lĩnh vực kinh tế: đã khám phá 139 vụ vi phạm, 133 đối tượng có hành vi vi phạm trong lĩnh vực kinh tế; thu giữ hàng hóa trị giá khoảng 8,16 tỷ đồng. Khởi tố 33 vụ, 8 bị can. Ra quyết định xử phạt hành chính 51 vụ, 53 đối tượng.

Lĩnh vực môi trường, tài nguyên, an toàn thực phẩm: đã lập 14 biên bản vi phạm hành chính, đề xuất ban hành 26 quyết định xử phạt hành chính với số tiền hơn 2,5 tỷ đồng.

2. Phạm pháp hình sự: đã xảy ra 335 vụ phạm pháp hình sự, tăng 0,6% (+2 vụ) so với cùng kỳ năm trước. Kiểm chế, kéo giảm được 3 loại án (giết người, cướp giật và lừa đảo); tuy nhiên, có 7 loại án tăng gồm cướp tài sản (+2 vụ), hiếp dâm (+1 vụ), giao cấu với người dưới 16 tuổi (+2 vụ), cố ý gây thương tích (+5 vụ), bắt giữ người trái pháp luật (+3 vụ), chống người thi hành công vụ (+2 vụ) và trộm tài sản (+8 vụ). Hậu quả chết 3 người, bị thương 42 người, thiệt hại tài sản khoảng 11 tỷ đồng.

Triệt phá 40 băng ổ, nhóm tội phạm hình sự các loại, bắt 102 đối tượng; điều tra khám phá nhanh là 237 vụ (đạt 70,7%), bắt 268 người vi phạm.

3. Phòng chống tệ nạn xã hội

Khám phá 190 vụ mua bán, tàng trữ, vận chuyển trái phép và tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy, bắt 384 người vi phạm, thu giữ khoảng: 57,8807 gram hêrôin; 11,798 kilogram, 9.740 viên ma túy tổng hợp; 6,7198 gram cocain; 6,5028 gram cần sa; 3 khẩu súng, 132 viên đạn; 5 xe ô tô; 118 xe gắn máy; 196 điện thoại di động; 471 triệu đồng và một số dụng cụ để phân chia và sử dụng ma túy. Đã khởi tố 161 vụ, bắt 200 người vi phạm, xử lý hành chính 29 vụ, 184 tên.

Kiểm tra phát hiện, xử lý 3 vụ, 24 đối tượng hoạt động mại dâm (2 môi giới, 11 gái mại dâm và 11 khách mua dâm); phát hiện, xử lý 39 vụ, 182 đối tượng tổ chức, tham gia cờ bạc ăn tiền trái phép, thu trên 301 triệu đồng và nhiều công cụ, phương tiện khác.

4. Trật tự an toàn giao thông

Tai nạn giao thông (TNGT) đường bộ xảy ra 322 vụ, làm chết 63 người, bị thương 213 người. Trong đó, tai nạn giao thông đường bộ từ ít nghiêm trọng trở lên 68 vụ, giảm 4,2% (-03 vụ) so với cùng kỳ năm trước; làm chết 63 người, bị thương

nặng 9 người và 254 vụ va chạm, làm bị thương nhẹ 204 người, hư hỏng 436 phương tiện các loại. TNGT đường sắt xảy ra 1 vụ, làm 1 người chết.

Không xảy ra tai nạn trên tuyến thủy nội địa.

5. Về tình hình cháy, nổ

Trên địa bàn thành phố đã xảy ra 40 vụ cháy, tăng 29% (+9 vụ) so với cùng kỳ năm 2018; làm bị thương 5 người, thiệt hại về tài sản ước khoảng 89 triệu đồng, một số vụ chưa ước tính được thiệt hại. Nguyên nhân là do sự cố các hệ thống, thiết bị điện; bất cẩn trong sinh hoạt, sản xuất.

Trong tháng thành phố không xảy ra vụ nổ nào.

III. Chăm lo Tết

Thành phố đã thực hiện chăm lo Tết Kỳ Hợi năm 2019 với tổng kinh phí là 974,1 tỷ đồng, tăng 39,8% so năm trước. Cụ thể:

– Đối tượng là diện chính sách có công, chính sách xã hội, dân nghèo, hộ nghèo, trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt là 636.821 trường hợp với tổng kinh phí 766,8 tỷ đồng. Trong đó, đã chăm lo 354.900 người thuộc đối tượng chính sách với hơn 334,5 tỷ đồng; 29.695 hộ nghèo, hộ cận nghèo và hộ vượt chuẩn cận nghèo với hơn 30,9 tỷ đồng; 212.169 phần quà cho diện bảo trợ xã hội hơn 237,8 tỷ đồng; 40.057 phần quà cho trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt hơn 19,3 tỷ đồng. Ngoài ra, các ban, ngành, đoàn thể thành phố và 24 quận, huyện, phường, xã đã trích ngân sách 83,6 tỷ đồng và thực hiện tốt công tác xã hội hóa để chăm lo cho các đối tượng với tổng tiền hơn 134,8 tỷ đồng.

– Đồng thời, thành phố đã quan tâm, chăm lo Tết cho 148.054 cán bộ, công chức, viên chức khu vực hành chính sự nghiệp khối thành phố, quận, huyện và một số cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp thuộc ngành dọc quản lý khối thành phố, quận, huyện với số tiền hơn 207,3 tỷ đồng, tăng 1,3 tỷ đồng so với năm 2018 do tăng 929 cán bộ, công chức, viên chức.

IV. Tình hình chi trả lương, thưởng Tết Nguyên đán

Tổng hợp và cập nhật các báo cáo của doanh nghiệp cho thấy mức thưởng cao nhất vẫn thuộc doanh nghiệp ngành tài chính - ngân hàng - bảo hiểm; quản lý, tư vấn, đầu tư bất động sản; điện tử - công nghệ thông tin; giáo dục; dược phẩm; lương thực, thực phẩm. Các doanh nghiệp sản xuất quy mô nhỏ, các doanh nghiệp sử dụng lao động giản đơn có các mức thưởng thấp hơn.

Mức thưởng Tết Nguyên đán Kỳ Hợi năm 2019 bình quân cao hơn 23,21% so với Tết Nguyên đán Mậu Tuất năm 2018. Cụ thể, mức thưởng bình quân là 9,884 triệu đồng/người (so với năm 2018 là 8,022 triệu đồng/người).

Theo báo cáo kế hoạch thưởng Tết năm 2019 của 1.948 doanh nghiệp, đã có 237 doanh nghiệp (chiếm 12,17%) thông tin gặp khó khăn trong việc thưởng Tết cho người lao động. Nguyên nhân do hoạt động sản xuất, kinh doanh trong năm còn

nhiều khó khăn, đơn hàng giảm, doanh nghiệp phải thu hẹp hoạt động, khó thu hồi công nợ, ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh cả năm và kế hoạch thưởng Tết cho người lao động. Tuy nhiên, các doanh nghiệp vẫn cố gắng thực hiện trả lương và trả thưởng cho người lao động đúng hạn và đúng với thỏa thuận đã được ghi nhận trong thỏa ước lao động tập thể và hợp đồng lao động.

Bên cạnh đó có 755 doanh nghiệp (chiếm 38,75%), ngoài tiền thưởng Tết cho người lao động, các đơn vị này còn có nhiều hình thức hỗ trợ thiết thực cho người lao động như tặng quà Tết, phiếu mua hàng, lì xì, tổ chức xe đưa đón (hoặc hỗ trợ tiền taxi, tặng vé xe).

V. Tình hình giải quyết việc làm

Kết quả giải quyết việc làm: trong tháng 2, thành phố đã giải quyết việc làm cho 25.073 lượt lao động; số chỗ việc làm mới tạo ra là 11.968 chỗ việc làm. Lũy kế 2 tháng đầu năm là 47.662 lượt lao động, đạt 15,89% so với kế hoạch năm và số chỗ việc làm mới là 22.610 chỗ việc làm mới, đạt 17,39% so với kế hoạch năm.

Tình hình về chính sách bảo hiểm thất nghiệp: trong tháng 2, đã có 7.045 lao động đến trung tâm dịch vụ việc làm thành phố nộp hồ sơ hưởng trợ cấp thất nghiệp; 6.050 người nhận quyết định hưởng trợ cấp thất nghiệp, 1.276 lượt người được tư vấn, giới thiệu việc làm, trong đó 623 người có việc làm.

C. TỔNG ĐIỀU TRA DÂN SỐ VÀ NHÀ Ở NĂM 2019

Thực hiện Quyết định số 772/QĐ-TTg ngày 26 tháng 6 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ về tổ chức Tổng điều tra dân số và nhà ở năm 2019 (viết tắt là Tổng điều tra dân số); Quyết định số 01/QĐ-BCĐTW ngày 15 tháng 8 năm 2018 của BCĐ Tổng điều tra dân số và nhà ở Trung ương (ban hành kèm theo Phương án Tổng điều tra dân số), Thành phố đã ban hành Quyết định số 4135/QĐ-UBND ngày 21 tháng 9 năm 2018 về thành lập Ban Chỉ đạo và Văn phòng Ban Chỉ đạo Tổng điều tra dân số và nhà ở năm 2019 Thành phố Hồ Chí Minh (BCĐ); Kế hoạch số 366/KH-BCĐTĐT ngày 25/9/2018 và Chỉ thị 09/CT-UBND ngày 9/11/2018 về tổ chức Tổng điều tra dân số trên địa bàn Thành phố.

Tổng điều tra dân số và nhà ở là một trong ba cuộc Tổng điều tra thống kê được quy định trong Luật Thống kê, với chu kỳ thực hiện 10 năm một lần vào các năm có số cuối cùng là số 9. Tổng điều tra dân số và nhà ở là nguồn thông tin chủ yếu và tin cậy về tình hình dân số, nhân khẩu học và tình trạng nhà ở của dân cư nhằm đáp ứng các mục tiêu về tổng hợp, biên soạn các chỉ tiêu trong Hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia quy định trong Luật Thống kê, đồng thời cũng là nguồn thông tin phục vụ Đảng, Quốc hội và Chính phủ trong đánh giá tình hình, xây dựng chiến lược, chính sách liên quan tới người dân và các chính sách phát triển đất nước.

Tổng điều tra dân số và nhà ở năm 2019 là cuộc Tổng điều tra đầu tiên tại Việt Nam ứng dụng công nghệ thông tin – truyền thông trong tất cả các công đoạn của Tổng điều tra từ chuẩn bị xây dựng mạng lưới, thu thập thông tin, kiểm tra và nghiệm thu số liệu, xử lý số liệu đến công bố kết quả Tổng điều tra. Trong đó, áp dụng hai hình thức thu thập thông tin mới, đó là sử dụng thiết bị điện tử di động

trong thu thập thông tin và sử dụng phiếu trực tuyến để các hộ dân cư tự cung cấp thông tin thông qua mạng Internet. Trong Tổng điều tra dân số, thành phố Hồ Chí Minh sử dụng 100% thiết bị điện tử di động trong thu thập thông tin tại các địa bàn điều tra và sử dụng phiếu trực tuyến để các hộ dân cư tự cung cấp thông tin thông qua sử dụng Internet.

Thành phố Hồ Chí Minh đã triển khai công tác Tổng điều tra dân số và nhà ở năm 2019 theo đúng Phương án của Ban chỉ đạo (BCĐ) Trương ương và Kế hoạch của BCĐ Thành phố. Công tác phân chia địa bàn điều tra, vẽ sơ đồ nền và lập bảng kê chuẩn bị cho tổng điều tra được bắt đầu thực hiện từ tháng 8/2018, sử dụng hệ thống bản đồ hành chính số hóa hệ tọa độ VN-2000 của thành phố trong công tác phân chia sơ đồ nền, địa bàn điều tra của phường, xã, thị trấn. Việc lập bảng kê hộ được thực hiện trong tháng 12/2018, đây là nội dung quan trọng nhằm rà soát, cập nhật bảng kê, hoàn thiện những thay đổi của hộ gia đình trước thời điểm điều tra. Thực hiện tốt khâu này sẽ giúp việc thu thập thông tin vào ngày 1/4/2019 hạn chế không bị trùng, bỏ sót hộ dân cư, các điểm dân cư trong xã, phường, thị trấn và các nhân khẩu thực tế thường trú (NKTTTT) tại các hộ; Giúp BCĐ Tổng điều tra các cấp nắm được số lượng thông tin ban đầu về các hộ dân cư địa phương mình quản lý, làm cơ sở lập kế hoạch huy động nguồn lực, tuyển chọn, tập huấn lực lượng tham gia điều tra và giúp điều tra viên xác định đúng phạm vi địa bàn điều tra và số hộ được phân công thực hiện thu thập thông tin. Sau khi lập bảng kê tại địa bàn xong, bảng kê hộ được nhập các thông tin của hộ vào cơ sở dữ liệu Tổng điều tra dân số 2019 tại Trang web điều hành của Tổng điều tra.

Kết quả sơ bộ giai đoạn 01 của thành phố: Dân số của thành phố đến thời điểm 23/01/2019 là **8.859.688** người, tăng 64.823 người so với thời điểm 30/6/2018 (số liệu dân số của thành phố đến thời điểm 30/6/2018 là 8.794.865 người). Số liệu này chưa tính lực lượng bộ đội và công an. Như vậy, trong thời kỳ 10 năm 2009 – 2019, tốc độ tăng dân số bình quân của thành phố là 2,15% năm. Bình quân một năm thành phố tăng khoảng 170.000 người, gần bằng dân số của một quận quy mô nhỏ ở Thành phố.

Trong Tổng điều tra dân số và nhà ở năm 2019, thành phố Hồ Chí Minh đã lập bảng kê được 19.445 địa bàn (17.454 địa bàn bình thường và 1.991 địa bàn đặc thù) với tổng số hộ là 2.469.302 hộ địa bàn bình thường và 86.146 nhân khẩu địa bàn đặc thù.

Văn phòng BCĐ Thành phố đã tổ chức lễ sơ kết công tác Tổng điều tra vào ngày 25/01/2019 đồng thời khen thưởng BCĐ 6 quận, huyện đã đạt thành tích xuất sắc trong công tác vẽ sơ đồ, lập bảng kê và nhập tin bảng kê hộ gồm Quận 7, 9, Thủ Đức, Bình Thạnh, huyện Nhà Bè và Củ Chi.

Mặc dù đây là cuộc Tổng điều tra có quy mô lớn và áp dụng nhiều công nghệ mới, đòi hỏi sự chuẩn bị công phu với sự phối hợp của nhiều cơ quan, bộ, ban ngành nhưng đến thời điểm hiện tại, các công tác chuẩn bị cho Tổng điều tra đã được thực hiện đúng kế hoạch và đảm bảo chất lượng.

Để chuẩn bị cho công tác thu thập thông tin tại địa bàn sắp tới, BCĐ Thành phố đề nghị BCĐ các cấp cần nêu cao ý thức trách nhiệm, tăng cường chỉ đạo thực hiện Tổng điều tra theo đúng Kế hoạch, đầy đủ, chính xác, kịp thời, đúng thời gian

quy định; đẩy mạnh công tác tuyên truyền; đảm bảo thông tin liên lạc thông suốt; chuẩn bị đủ lực lượng làm tổ trưởng, điều tra viên có đủ khả năng thực hiện công việc, có tinh thần trách nhiệm cao và sử dụng thành thạo thiết bị thông minh để thực hiện phiếu điện tử trong Tổng điều tra.

BCĐ quận, huyện, phường, xã, thị trấn bám sát Kế hoạch của BCĐ Thành phố để tiếp tục triển khai các công việc trong thời gian tới. Cụ thể như sau:

Thời gian	Nội dung	Thực hiện
Từ 15/3/2019 – 20/3/2019	Rà soát, cập nhật bảng kê hộ trước điều tra	BCĐ cấp xã
Từ 01/4/2019 – 25/4/2019	Điều tra thu thập thông tin tại hộ	
+ Từ 01/4/2019 – 07/4/2019	Hộ tự cung cấp thông tin trên website Tổng điều tra	Hộ dân cư
+ Ngày 01/4/2019	Thu thập thông tin người lang thang, cơ nhỡ, sống bằng nghề trên mặt nước	BCĐ cấp xã
+ Từ ngày 01/4/2019 – 15/4/2019	Thu thập thông tin về nhân khẩu đặc thù khác đang cư trú tại các cơ sở lưu trú của nhân khẩu đặc thù	Điều tra viên
+ Từ ngày 01/4/2019 – 25/4/2019	Thu thập thông tin các hộ đăng ký thực hiện tự cung cấp thông tin chưa hoàn thành	Điều tra viên
+ Từ ngày 01/4/2019 – 25/4/2019	Thu thập thông tin các hộ dân cư	Điều tra viên

Trên đây là tình hình kinh tế xã hội tháng 2 và 2 tháng năm 2019 và tiến độ thực hiện Tổng điều tra dân số và nhà ở năm 2019 tại Thành phố Hồ Chí Minh.